
Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày: 07/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hồng Quang**
Bà **Dương Thị Mỹ Vinh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Mạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2019/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T.** Tên gọi khác: **Xù;** Sinh ngày: 18/11/1996, tại TP. Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ x, phường Hòa Hiệp B, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trần D (SN 1963) và bà Huỳnh Thị A (SN 1970); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/12/2014, bị Công an phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu xử phạt hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo Trần Văn T bị bắt theo lệnh truy nã và đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Hòa Sơn Công an thành phố Đà Nẵng từ ngày 07/11/2018, có mặt.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Trí C.**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ X, phường Hòa Hiệp N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Vương Duy N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số X đường Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

+ Em **Doãn Thị Kim H**, sinh năm 2002. Người đại diện theo pháp luật cho em Hậu là bà **Phạm Thị M** (mẹ em Hậu), sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ X, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, cả hai đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và anh Nguyễn Trí C là bạn bè với nhau ngoài xã hội nên T thường xuyên đến nhà anh C ở lại và T biết anh C có xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 43F1-337.93. Trong thời gian này, T có nợ bên ngoài xã hội một số tiền nhưng không có tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh C. Sáng ngày 01/8/2018, T đến nhà anh C chơi rồi ở lại ngủ trưa đến khoảng 13h00' cùng ngày, T thức dậy thấy anh C đang ngủ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh C. T đến chỗ tủ lạnh nơi anh C để chìa khóa và ví rồi lục ví lấy 01 giấy đăng ký xe, 01 CMND, 01 giấy phép lái xe (*tất cả đều mang tên Nguyễn Trí C*) bỏ vào túi quần và chìa khóa xe. Sau đó, T đi đến dắt xe mô tô, khi vừa đến hiên nhà thì C thức dậy, phát hiện và hỏi “*mi dắt xe ta đi mô đó*”, T trả lời “*cho em mượn chiếc xe chở cái lồng chim về nhà*”. Nghe T nói vậy, anh C không nói gì và tiếp tục ngủ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang mô tô đến tiệm cầm đồ Nhân H (địa chỉ: Kx/2 Tôn Đức Thắng, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng) cầm cho Vương Duy N lấy số tiền 30.000.000đ. Sau khi có tiền, T đi đến đường Âu Cơ vào tiệm ĐTDĐ (không xác định được tên quán và địa chỉ) mua 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 với giá 3.500.000đ rồi tiếp tục đến tiệm vàng Kim Khánh - Việt Hùng mua 01 chiếc nhẫn trang sức bằng vàng với giá 4.200.000đ rồi T đem chiếc nhẫn này tặng cho em Doãn Thị Kim Hậu (SN 24/4/2002, trú tại tổ 43, Nam Ô, P. Hòa Hiệp Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, là người yêu của T), trả nợ và tiêu xài cá nhân hết 19.300.000đ và còn lại 3.000.000đ. Đến tối ngày 01/8/2018, anh C vẫn không thấy T mang xe về trả và khoảng 20h00' ngày 02/8/2018, anh C phát hiện T đang ngồi nhậu tại chợ đêm Hòa Khánh nên trình báo vụ việc với Công an P. Hòa Hiệp Nam. Tại cơ quan Công an, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và sau đó bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 02/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 127/CSĐT, Quyết định khởi tố bị can số: 177/CSĐT đối với Trần Văn T

về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1, Điều 174 BLHS và ngày 11/10/2018 ra Quyết định truy nã số: 09/CSĐT đối với Trần Văn T.

Trong quá trình bỏ trốn, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên sáng ngày 07/11/2018, T gọi điện thoại cho đối tượng tên Dũng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng điện thoại có số thuê bao 0935.350.507 hỏi mua 600.000đ ma túy đá, Dũng đồng ý bán và hẹn gặp T trên đường Phan Văn Định, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng để giao dịch rồi cả hai cùng đi đến điểm hẹn. Tại đây, sau khi mua ma túy của Dũng xong, T bỏ ma túy vào túi quần rồi tiếp tục đi bộ trên đường Phan Văn Định thì lực lượng Công an phường Hòa Hiệp Bắc bắt giữ T theo lệnh truy nã và thu giữ trên người T 01 gói nhựa cứng và 02 gói nilon bên trong có chứa những hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá tổng hợp (đã niêm phong, ký hiệu A). Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận mục đích tàng trữ số ma túy trên là để sử dụng cho bản thân.

* Theo Kết luận số 80/KL-HĐĐG ngày 01/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Liên Chiểu, xác định: Giá trị sử dụng còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, BKS 43F1-xxx.93 là 45.900.000đ.

* Theo Kết luận giám định số: 231/GĐ-MT ngày 20/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP. Đà Nẵng, kết luận: Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,386 gam.

* Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter, BKS 43F1-xxx.93; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 43F1-xxx.93; 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Nguyễn Trí C và 01 CMND mang tên Nguyễn Trí C;

- 01 chiếc ĐTDĐ Iphone 6; 01 chiếc nhẫn kim loại bằng vàng có đính đá màu trắng; 01 cái ví da màu nâu và số tiền 3.000.000đ;

- 01 hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản mang tên Nguyễn Trí C và 01 giấy bảo đảm về việc mua nhẫn vàng do Công ty TNHH Kim Khánh-Việt Hùng ngày 01/8/2018;

- Toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định;

- 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 6300, màu vàng và thẻ sim 0905435311.

Ngày 31/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu ra Quyết định xử lý vật chứng số: 85/CSĐT, trả lại cho anh Nguyễn Trí C: 01 xe mô tô BKS 43F1-337.93; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 43F1-337.93; 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Nguyễn Trí C và 01 CMND mang tên Nguyễn Trí C. Người bị hại đã nhận lại tài sản trên và không yêu cầu gì thêm.

* Về dân sự: Người liên quan Vương Duy N yêu cầu bị cáo Trần Văn T phải bồi thường số tiền 30.000.000đ.

* Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS, ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trần Văn T về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 33/CT-VKS, ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt chung đối với hai tội bị cáo phải chấp hành.

* Về dân sự: Đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Trần Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Vương Duy N số tiền 30.000.000đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng như đã đề cập trong nội dung của bản cáo trạng.

* Quá trình điều tra, Trần Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn và tại phiên tòa bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

[2.1] *Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*: Trần Văn T và anh Nguyễn Trí C là bạn bè với nhau. Sáng ngày 01/8/2018, T đến nhà anh C chơi rồi ở lại ngủ trưa đến khoảng 13h00’ cùng ngày, T thức dậy thấy anh C đang ngủ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh C. T đến chỗ tủ lạnh nơi anh C để chìa khóa và các giấy tờ trong ví, T lấy các giấy tờ bỏ vào túi quần và chìa khóa xe. Sau đó, T đi đến dắt xe mô tô, khi vừa đến hiên nhà thì C thức dậy, phát hiện và hỏi “*mi dắt xe ta đi mô đó*”, T trả lời “*cho em mượn chiếc xe chở cái lồng chim về nhà*”. Nghe T nói vậy, anh C không nói gì và tiếp tục ngủ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản và mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội thể hiện, bị cáo T có ý định chiếm đoạt tài sản của anh C từ trước, nhưng do bị phát hiện nên T đã sử dụng thủ đoạn gian dối, nhằm mục đích chiếm đoạt xe mô tô của anh C. Giá trị xe mô tô hiệu Yamaha Exiter, BKS 43F1-337.93 là 45.900.000đ. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2.3] *Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”*: Sau khi bị cáo tường thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị cáo T bỏ trốn. Trong quá trình bỏ trốn, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên sáng ngày 07/11/2018. T gọi điện thoại cho đối tượng tên Dũng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trên đường Phan Văn Định, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng thì lực lượng Công an phường Hòa Hiệp Bắc bắt giữ T theo lệnh truy nã và thu giữ 01 gói ma túy đá trên người T, gói ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,386 gam. Hành vi nêu trên của các

bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Như vậy Cáo trạng số 33/CT-VKS, ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trần Văn T về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Trong vụ án này bị cáo T thực hiện hai hành vi phạm tội vào thời gian, địa điểm phạm tội khác nhau và cấu thành hai tội độc lập với nhau. Hành vi thứ nhất vào ngày 01/8/2018 bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của anh C và hành vi ngày 07/11/2018 bị cáo T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là chất cấm được Nhà nước độc quyền quản lý. Đối với hai hành vi này bị cáo T thực hiện một mình, với lỗi cố ý trực tiếp nên bị cáo phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hành vi của bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự và tâm lý bất an cho người dân địa phương và ma túy là tệ nạn xã hội, không những trực tiếp gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người mà còn để lại hậu quả nghiêm trọng cho các thế hệ mai sau. Điều đó thể hiện sự coi thường thường pháp luật của bị cáo. Bản thân bị cáo T có nhân thân xấu, ngày 25/12/2014 bị Công an phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu xử phạt hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm gương, rèn luyện tu dưỡng bản thân, lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Vì vậy, HĐXX cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các tội danh do Viện kiểm sát truy tố, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời HĐXX áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo T phải chấp hành.

[4] Tuy nhiên xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vương Duy N đã cầm xe mô tô với số tiền 30.000.000đ, tuy nhiên xe mô tô trên đã trả lại cho bị hại. Anh N yêu cầu bị cáo T trả

lại số tiền 30.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 584; 585; 589 của Bộ luật dân sự. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh N số tiền 30.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản số 59 ngày 01/8/2018 mang tên Trí C và 01 giấy bảo đảm về mua nhẫn vàng do Công ty TNHH Kim Khánh - Việt Hùng lập ngày 01/8/2018;

+ Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định (gồm: 0,187 gam ma túy Methamphetamine, được đựng trong 01 phong bì có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an TP. Đà Nẵng và chữ ký của Giám định viên); 01 sim điện thoại có số thuê bao 0905435311;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 6300, màu vàng;

+ Trả lại cho Trần Văn T: 01 ví da màu nâu;

+ Quy trữ để đảm bảo thi hành án: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6, màu xám; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu trắng và số tiền 3.000.000đ.

[7] Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Đối với Vương Duy N (nhân viên quản lý tiệm cầm đồ Nhân Hòa): Khi T mang xe mô tô 43F1-337.93 đến thế chấp, cầm cố cho N để vay số tiền 30.000.000đ, N không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên Công an quận Liên Chiểu không đề cập, xử lý trách nhiệm hình sự và ra quyết định xử lý hành chính đối với Vương Duy N với số tiền 3.500.000đ theo Quyết định số: 13/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2019 là có cơ sở, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Đối với đối tượng tên Dũng, người bán ma túy cho T sáng ngày 07/11/2018: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục điều tra, xử lý sau nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn T** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** và tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 02 (hai)** năm tù về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và **02 (hai)** năm tù về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”, tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Văn T phải chấp hành chung là **04 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **07/11/2018**.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định (gồm: 0,187 gam ma túy Methamphetamine, được đựng trong 01 phong bì có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an TP. Đà Nẵng và chữ ký của Giám định viên); 01 sim điện thoại có số thuê bao 0905435311;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 6300, màu vàng;

- Trả lại cho Trần Văn T: 01 ví da màu nâu;

- Quy trữ để đảm bảo thi hành án: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6, màu xám; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu trắng và số tiền 3.000.000đ.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10.4.2019).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584; 585; 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Trần Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Vương Duy N số tiền 30.000.000đ.

*** Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án anh Vương Duy N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền được thi hành án, nếu bị cáo Trần Văn T chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND q. Liên Chiểu;
- Viện KSND TP. Đà Nẵng;
- Công an q. Liên Chiểu;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CATPĐN;
- Chi cục THADS q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

